

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1957/2020/DS-ST

Ngày: 17/11/2020

V/v Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Hương.

2. Bà Hồ Thị Diệu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lệ Chiêu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 11 năm 2020 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố H đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2012/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2012 về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5324/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Đồng Thị T1, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: 600/2/1 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền được công chứng số 00294, Quyền số 01 ngày 07/01/2015 tại Phòng Công chứng Số 7, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu P – Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: 21 Lô B, đường P, Phường 7, Quận S, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1973 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: ấp XM, xã L, huyện C, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn T2 – Văn phòng Luật sư N – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: A14/11 đường N, thị trấn T, huyện BC, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H.

Địa chỉ: 243 Đường H, Phường 9, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H: Hòa thượng T, Thế danh: Hồ Công H1 – Phó Trưởng ban Pháp chế Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H (vắng mặt).

Theo Giấy ủy quyền số 231/UQ.BTS ngày 16/6/2018 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H.

2. Bà Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Đồng Văn H2, sinh năm 1940 (có mặt).

Địa chỉ: 1570/122A Đường K, Phường 7, Quận S, Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền được công chứng số 00295, Quyền số 01 ngày 07/01/2015 tại Phòng Công chứng Số 7, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà M: Ông Nguyễn Hữu P – Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: 21 Lô B, đường P, Phường 7, Quận S, Thành phố H.

3. Bà Lê Minh H3, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 11921 Bellaire Road, Cleveland, Ohio 44135, USA.

Đại diện theo ủy quyền của bà Hiếu: Bà Võ Thị Kim KIM T3, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố H, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Phước.

Theo Giấy ủy quyền ngày 17/4/2012 đã được hợp pháp hóa lãnh sự số 1354/ĐSQ-HPH-12 ngày 25/4/2012 tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hiếu: Ông Đàm Bảo H4 – Văn phòng Luật sư Đ – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

Địa chỉ: 20/13 đường L, Phường 6, quận BT, Thành phố H.

4. Bà Trần Thị Thu T4, sinh năm 1979 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

5. Bà Trương Thị Thu T5, sinh năm 1977 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

6. Bà Phan Trương Uyên N, sinh năm 2002 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ thường trú: 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H.

Cùng địa chỉ tạm trú: ấp XM, xã L, huyện C, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của bà Thảo và bà Thủy:

- Bà Vi Thị D, sinh năm 1994 (vắng mặt).
- Bà Hoàng Thị Kim T6, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 356G đường S, Phường 6, Quận S, Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền được công chứng số 007136, quyền số 08/2017/HĐGD-CCAL ngày 14/8/2017 tại Văn phòng Công chứng An Lạc, Thành phố H.

7. Ông Ngô Quốc K, sinh năm 1972 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Ngọc T có người đại diện theo ủy quyền là bà Đồng Thị T1 trình bày:

Nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H là tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bà Lê Thị H5 (mẹ nuôi bà T).

Bà H5 sống độc thân, không có chồng và 03 người con nuôi là bà Lê Ngọc T, bà Lê Thị Ngọc M và bà Lê Minh H3 (theo Giấy khai sinh là bà Lê Thị Minh H3).

Cuối năm 2004, gia đình bà T có cho bà Huỳnh Thị H vào ở nhờ, bà H hoàn toàn không có mối quan hệ thân thuộc gì đối với bà H5.

Căn nhà 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H bà Lê Thị H5 chỉ sử dụng để tu tại gia, không cho phật tử đến cúng bái.

Năm 2006, bà H5 qua đời, có để lại di sản là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H. Bà H5 không để lại di chúc cho bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào.

Từ năm 2015, bà Huỳnh Thị H và các phật tử không còn cư trú tại 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H. Tại địa chỉ số 600/2/5 Đường HB không còn được dùng để sinh hoạt tôn giáo.

Ngày 09/11/2011, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất 600/2/5 Đường HB. Theo đó, bà đề nghị được hưởng 1/3 giá trị nhà đất nói trên.

Ngày 26/5/2017, bà T có đơn khởi kiện bổ sung, theo đó yêu cầu Tòa án không công nhận di chúc của bà Lê Thị H5 lập ngày 02/3/2005 do bị đơn là bà Huỳnh Thị H cung cấp. Lý do cụ thể :

- Theo Điểm a Khoản 1 Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về di chúc hợp pháp là người lập di chúc phải minh mẫn, sáng suốt. Tuy nhiên, tại thời điểm lập di chúc, bà H5 bị bệnh rất nặng, phải nằm một chỗ, do đó, không đủ minh mẫn, sáng suốt.

- Chữ ký người làm chứng trong tờ di chúc không phải là chữ ký của bà T. Mặt khác, bà T cũng không có tư cách làm chứng do theo quy định tại Khoản 1 Điều 654 Bộ luật Dân sự thì người thừa kế theo pháp luật của người lập di chúc không thể làm chứng. Tương tự những người làm chứng khác trong tờ di chúc của bà H5 cũng không có tư cách làm chứng.

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005 về nội dung di chúc bằng văn bản : *“Di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu, nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc”*. Tờ di chúc của bà H5 có 02 trang riêng biệt nhưng lại không đánh số thứ tự và cũng không có bất kỳ chữ ký nào của bà H5 trên từng trang của bản di chúc. Hơn nữa, tờ di chúc không được cơ quan chức năng chứng thực xác nhận cũng như đóng dấu giáp lai trên bản di chúc.

Phía bị đơn cho rằng bà Lê Thị H5 đã hiến đất cho Giáo hội Phật giáo là không có cơ sở vì không có giấy tờ chứng minh lúc bà H5 còn sống đã giao tài sản cho Giáo hội. Theo quy định của pháp luật trong tôn giáo, khi muốn hiến tặng tài sản cho Giáo hội thì trước tiên phải có chủ quyền nhà đất, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay nhà đất 600/2/5 Đường HB vẫn chưa có chủ quyền. Mặt khác, bà H5 cũng chưa có văn bản nào về việc hiến tặng và được trả lời bằng văn bản của Giáo hội Phật giáo.

Việc bổ nhiệm Trụ trì Tịnh thất H cho bà Huỳnh Thị H theo Quyết định số 388/QĐ.TPPG ngày 13/8/2007 cũng chưa tuân thủ đúng quy định của Hội Phật giáo vì bà H chưa đăng ký hoạt động trong tôn giáo và chưa được cơ quan nhà nước chấp nhận cho bà H hoạt động trong tôn giáo.

Bà Phan Thị Phước H6 – người có tên trong di chúc mà bị đơn cung cấp, sinh năm 1952, chết năm 2009, mẹ bà Hiền tên là bà Phan Thị D2, bà D2 chết năm 1980, bà Hiền không có chồng con, không có cha, không có anh chị em ruột. Bà Phan Thị Phước H6 không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về giá trị tài sản nhà đất tại địa chỉ 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H, thì bà T đồng ý với giá theo Biên bản định giá ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố H là 4.712.054.000 (bốn tỷ bảy trăm mười hai triệu không trăm năm mươi bốn ngàn) đồng và không yêu cầu định giá lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, theo đó, bà T yêu cầu chia thừa kế cho bà 1/3 giá trị nhà đất 600/2/5 Đường HB. Đồng thời bà yêu cầu Tòa án không công nhận di chúc của bà Lê Thị H5 lập ngày 02/3/2005 do bị đơn là bà Huỳnh Thị H cung cấp. Bà T không có sửa chữa, tôn tạo nhà đất và không có yêu cầu gì về công sức quản lý căn nhà trong quá trình ở đây.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị H có ý kiến trình bày:

Nhà đất số 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A có nguồn gốc của bà Lê Thị H5. Từ năm 1965, bà H5 bắt đầu sinh hoạt tôn giáo. Bà H5 có nhận nuôi 03 trẻ mồ côi là bà Lê Ngọc T, bà Lê Thị Ngọc M và bà Lê Minh H3. Năm 1982, bà H5 gia nhập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, lấy tên là Tịnh thất H. Năm 1997, bà H5 chính thức đăng ký sinh hoạt tôn giáo thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Năm 2004, Thành hội Phật giáo Thành phố H ra Quyết định số 032/QĐ-

THPG ngày 19/01/2004 hợp thức hóa Trụ trì Tịnh thất H đối với Thích nữ Như Mỹ. Từ năm 2005, Chi cục Thuế Quận A cũng đã xóa bộ thuế đất đối với nhà đất trên theo Quyết định số 823/CCT/QĐ ngày 04/10/2006 do đây là đất của cơ sở tôn giáo.

Năm 2006, bà H5 chết, Tịnh thất H do bà Huỳnh Thị H và bà Phan Thị Phước H6 quản lý. Năm 2007, Thành hội Phật giáo bổ nhiệm bà Huỳnh Thị H (Thích nữ nguyên chủng) làm trụ trì Tịnh thất H. Năm 2009, bà H6 chết thì mọi hoạt động tôn giáo tại đây do bà H quản lý.

Năm 2011, bà H lập hồ sơ xin hợp thức hóa chủ quyền cho Tịnh thất H để xin giấy phép xây dựng thì bà T, bà M, bà Hiếu tranh chấp thừa kế đối với nhà đất số 600/2/5 Đường HB.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà H không đồng ý, do nhà đất 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A là tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, không còn là tài sản riêng của bà H5 từ khi bà H5 hiến tài sản này cho Giáo hội từ năm 1997. Bà H đến ở và điều hành Tịnh thất H là theo quyết định của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Trong quá trình cư trú tại địa chỉ 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A thì bà H không có xây sửa, chỉnh trang gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết bất kỳ quyền lợi nào cho bà trong vụ án này. Đây là tài sản của Giáo hội Phật giáo. Bà H xác định bà không tranh chấp gì đối với nguyên đơn liên quan đến tài sản là nhà đất số 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A. Đây là vấn đề giữa nguyên đơn và Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H.

Về di chúc bản chính lập ngày 02/3/2005 của bà Lê Thị H5 thì bà H xác định do thời gian quá lâu nên bị thất lạc, hiện nay không còn lưu giữ.

Bà H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H có ý kiến trình bày:

Tại các phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H là Hòa thượng T, Thế danh: Hồ Công H1 – Phó Trưởng ban Pháp chế Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H có ý kiến trình bày: Qua khảo sát thì địa chỉ 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H có diện tích nhỏ, không đủ điều kiện để sinh hoạt tôn giáo, thực tế hiện nay cũng không sinh hoạt tôn giáo. Do đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H đề nghị phía nguyên đơn tiến hành lập thủ tục xin hạ bảng chùa Tịnh Thất H. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H hiện nay không tranh chấp với nguyên đơn đối với nhà đất 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Minh H3 có người đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị Kim T3 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Phan Thị Phước H6 chết năm 2009, mẹ bà Hiền tên là bà Phan Thị D1, bà D1 chết năm 1980, bà H6 không có chồng con, không có cha. Bà Phan Thị Phước H6 không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về giá trị tài sản nhà đất tại địa chỉ 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H, bà thống nhất đồng ý với giá theo Biên bản định giá ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố H là 4.712.054.000 (bốn tỷ bảy trăm mười hai triệu không trăm năm mươi bốn ngàn) đồng và không yêu cầu định giá lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Ngọc M có người đại diện theo ủy quyền là ông Đồng Văn H2 trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Phan Thị Phước H6 chết năm 2009, mẹ bà H6 tên là bà Phan Thị D1, bà D1 chết năm 1980, bà Hiền không có chồng con, không có cha. Bà Phan Thị Phước H6 không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà M không có sửa chữa, tôn tạo nhà đất và không có yêu cầu gì về công sức quản lý căn nhà trong quá trình ở đây.

Về giá trị tài sản nhà đất tại địa chỉ 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H, ông đồng ý với giá theo Biên bản định giá ngày 28/01/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố H là 4.712.054.000 (bốn tỷ bảy trăm mười hai triệu không trăm năm mươi bốn ngàn) đồng và không yêu cầu định giá lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị Thu T4, bà Trần Thị Thu T5, bà Phan Trương Uyên N có ý kiến trình bày:

Bà T4, bà T5, bà N (con bà T4) vào Tỉnh thất H từ năm 2008, hiện nay không còn cư trú tại địa chỉ 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà không đồng ý. Bà thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lê Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Ngọc M là ông Nguyễn Hữu P có ý kiến tranh luận: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là ông Lê Văn Thương có các ý kiến tranh luận: Bà H xác định bà không tranh chấp với nguyên đơn đối với nhà đất 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H. Nhà đất 600/2/5 Đường HB là tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam do trước đây bà H5 đã cải gia vi tự. Đây là vấn đề của nguyên đơn và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, bà không tranh chấp, không yêu cầu bất kỳ quyền lợi nào cho chính bản thân bà. Về di chúc bản chính lập ngày 02/3/2005 của bà Lê Thị H5 thì bà H xác định do thời gian quá lâu nên bị thất lạc, hiện nay không còn lưu giữ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Minh H3 là ông Đàm Bảo H4 có ý kiến tranh luận: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, Viện Kiểm sát có ý kiến như sau: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ngọc T không đủ điều kiện khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự; Luật sư; Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu: Chia thừa kế đối với nhà đất tọa lạc tại địa chỉ 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H, đồng thời hủy di chúc lập ngày 02/3/2005 của bà Lê Thị H5. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự “ Tranh chấp về thừa kế tài sản, hủy di chúc” theo quy định tại Khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Minh H3 đang cư trú ở nước ngoài nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố H.

[2] Về thủ tục:

Xét việc ủy quyền của đương sự trong vụ án là hợp lệ, đảm bảo hình thức và nội dung đúng theo quy định pháp luật.

Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Do bị đơn bà Huỳnh Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên là có căn cứ.

- Những người có quyền lợi liên quan khác là bà Trương Thị Thu T4, bà Trần Thị Thu T5, bà Phan Trương Uyên N do trước đây có đăng ký thường trú tại địa chỉ 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H cho mục đích sinh hoạt tôn giáo. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự này không còn cư trú tại địa chỉ này. Tòa án xét thấy họ không còn có quyền lợi liên quan nào. Đồng thời, các đương sự đã có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự cũng đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Do đó, theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt họ là có căn cứ, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- Những người có quyền lợi liên quan là ông Ngô Quốc K (chồng bà Lê Ngọc T) hiện đang cư trú tại địa chỉ 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H và quá trình giải quyết vụ án có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Khanh là có căn cứ.

Tại nhà đất tọa lạc tại địa chỉ 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H hiện nay chỉ có bà Lê Ngọc T, bà Lê Thị Ngọc M, ông Ngô Quốc Khanh đang cư trú, không có ai khác đang cư trú thực tế. Do đó, Tòa án không triệu tập ai khác tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến phản bác của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

** Về nguồn gốc sử dụng nhà đất tọa lạc tại 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định như sau:*

- Theo Bản kê khai nhà cửa ngày 26/12/1977 thì nhà đất 600/2/5 Đường HB do bà H5 kê khai với diện tích đất là 144 m², diện tích nhà ở là 70,25 m², sử dụng từ năm 1964, công dụng: Nhà ở. Kê khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận A, Thành phố H.

- Theo Tờ đăng ký nhà đất ngày 02/8/1999 thì nhà đất 600/2/5 Đường HB do bà H5 kê khai với diện tích đất 139,56 m², loại nhà: nhà phố, diện tích xây dựng 100 m². Kê khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận A, Thành phố H.

- Theo Văn bản số 5910/TNMT-QHSDĐ ngày 22/9/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H thì khu đất 600/2/5 Đường HB có diện tích 152,6 m² nằm trong quy hoạch đất dân cư hiện hữu cải tạo, có một phần đất thuộc lộ giới hẻm. Do đó Tổ Công tác liên ngành gồm Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Ủy ban nhân dân Quận A thống nhất ý kiến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phần diện tích đất phù hợp quy hoạch.

- Theo Quyết định số 823/CCT-QĐ của Chi cục thuế Quận A thì bà Lê Thị H5 được xóa bộ thuế đất từ 2005, theo đó, có thể xác định bà H5 có quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước.

- Theo Đơn xin xác nhận đất không tranh chấp do bà Huỳnh Thị H đứng đơn ngày 21/6/2011 thì Ủy ban nhân dân Phường 16 đã xác định cho đến thời điểm 21/6/2011 thì không có ai tranh chấp về nhà đất này đối với bà H5 (sau thời điểm này thì nguyên đơn mới có đơn tranh chấp với bị đơn là bà H liên quan nhà đất 600/2/5 Đường HB, trước đó, không có ai tranh chấp với bà H5).

Theo các tài liệu được viện dẫn trên, theo quy định tại Điều 1.3, Mục 1, Phần 2 Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 thì có sở xác định nhà đất 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà H5. Do bà H5 chết năm 2006, nên xác định nhà đất này là di sản thừa kế do bà H5 để lại.

** Về Di chúc lập ngày 02/3/2005 do bà H5 để lại. Di chúc này do bị đơn bà Huỳnh Thị H cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Về tính hợp pháp của chứng cứ: Phía bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không cung cấp được cho Tòa án bản chính di chúc để Tòa án làm căn cứ đánh giá tính hợp pháp của chứng cứ. Do đó, theo quy định tại Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: *“Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”*. Do đó, Di chúc lập ngày 02/3/2005 không có giá trị chứng cứ để Tòa án xem xét.

Mặt khác, xét tính hợp pháp của Di chúc lập ngày 02/3/2005 thì Hội đồng xét xử có những nhận định như sau:

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì di chúc lập bằng văn bản *“nếu di chúc gồm nhiều trang, thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc”*. Tuy nhiên, Di chúc ngày 02/3/2005 của bà H5 do bị đơn cung cấp (là bản photo trong hồ sơ) gồm có 02 trang nhưng không được đánh số trang, đồng thời không ký tại trang thứ nhất của di chúc.

- Theo quy định tại Điều 654 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì người thừa kế theo pháp luật của người lập di chúc không được làm chứng cho việc lập di chúc. Tuy nhiên tại Di chúc lập ngày 02/3/2005 nói trên, bà Lê Ngọc T và bà Lê Thị Ngọc M (là con bà H5 – người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H5) là những người làm chứng tại di chúc là không đúng với quy định đã viện dẫn trên. Quá trình giải quyết vụ án, bà T và bà M cũng xác định không ký tại bản di chúc nói trên.

Như vậy, có cơ sở xác định di chúc lập ngày 02/3/2005 không hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 1995. Mặt khác, trong quá trình giải quyết hồ sơ vụ án, bị đơn không yêu cầu giải quyết cho bà quyền lợi gì theo di chúc ngày 02/3/2005. Xét thấy ý chí của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận để xem xét. Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy di chúc nói trên.

Đối với lời khai của bị đơn cho rằng đây là tài sản bà H5 đã cải gia vi tự, trở thành tài sản của Giáo hội Phật giáo thì Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, phía đại diện Giáo hội Phật giáo Thành phố H đã có ý kiến không tranh chấp đối với nguyên đơn liên quan đến nhà đất 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H. Đồng thời phía Giáo hội Phật giáo Thành phố H còn đề nghị nguyên đơn thực hiện thủ tục hạ bảng Tịch thất H theo đúng thủ tục của Phật giáo.

- Xét hiện trạng thực tế công trình 600/2/5 Đường HB không còn được sử dụng với mục đích tôn giáo, không sinh hoạt tôn giáo.

- Theo quy định tại Điều 24 Nội quy Ban Tăng sự Trung Ương Khóa VIII (2017 - 2022), đã có quy định rằng: “Việc cải gia vi tự (sửa nhà làm chùa) do Ban Trị sự tỉnh kết hợp cùng Ban Tăng sự cùng cấp quyết định và phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật nhà nước”. Tuy nhiên, theo hồ sơ vụ việc, nhà đất 600/2/5 Đường HB khi bà H5 còn sống chưa tiến hành bất kỳ thủ tục nào theo quy định nói trên.

Như phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, Giáo hội Phật giáo Thành phố H không tranh chấp về quyền sở hữu nhà đất 600/2/5 Đường HB. Đồng thời, cũng có căn cứ cho thấy, bà Lê Thị H5 chưa thực hiện thủ tục “cải gia vi tự” theo đúng quy định của pháp luật đất đai và nội quy mà Phật giáo đã đặt ra. Đồng thời, nhà đất 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A hiện nay không có tranh chấp, đủ điều kiện là để chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Về hàng thừa kế: Bà Lê Thị H5 (chết năm 2006) không có chồng, không có con ruột, cha mẹ bà H5 đã mất, bà H5 chỉ có 03 người con nuôi gồm có:

- Bà Lê Ngọc T;
- Bà Lê Thị Ngọc M;
- Bà Lê Minh H3 (theo giấy khai sinh là Lê Thị Minh H3).

Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định người thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị H5 là bà Lê Ngọc T, bà Lê Thị Ngọc M và bà Lê Minh H3.

Về di sản thừa kế: Như đã phân tích trên, di sản thừa kế của bà H5 được xác định là nhà đất tọa lạc tại 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H có diện tích 152 m². Theo Biên bản định giá tài sản ngày 28/01/2015, giá trị nhà đất nói trên được xác định là 4.712.054.000 (bốn tỷ bảy trăm mười hai triệu không trăm năm mươi bốn ngàn) đồng. Căn nhà do bà Lê Ngọc T và bà Lê Thị Ngọc M đang quản lý, sử dụng. Bà T và bà M xác định không có sửa chữa, tôn tạo nhà đất và không có yêu cầu gì về công sức quản lý căn nhà trong quá trình ở đây.

Như vậy, di sản thừa kế được chia cụ thể như sau:

- Bà Lê Ngọc T: Được hưởng 1/3 giá trị di sản.
- Bà Lê Thị Ngọc M: Được hưởng 1/3 giá trị di sản.
- Bà Lê Minh H3: Được hưởng 1/3 giá trị di sản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, những người được hưởng thừa kế thống nhất sẽ tự thỏa thuận việc phân chia di sản. Nếu xảy ra tranh chấp, bất kỳ đồng thừa kế nào trong số 03 người được hưởng di sản cũng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi di sản để chia di sản theo tỷ lệ nêu trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Ngọc T, bà Lê Thị Ngọc M và bà Lê Minh H3 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Ngọc T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

1.1. Về di sản thừa kế: Xác định di sản thừa kế của bà Lê Thị H5 là nhà đất số 600/2/5 Đường HB, Phường 16, Quận A, Thành phố H. Giá trị di sản là 4.712.054.000 (bốn tỷ bảy trăm mười hai triệu không trăm năm mươi bốn ngàn) đồng.

1.2. Những người được chia di sản gồm có:

- Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1972.
- Bà Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1973.
- Bà Lê Minh H3, sinh năm 1971.

1.3. Di sản thừa kế được chia cụ thể như sau:

- Bà Lê Ngọc T: Được hưởng 1/3 giá trị di sản.
- Bà Lê Thị Ngọc M: Được hưởng 1/3 giá trị di sản.
- Bà Lê Minh H3: Được hưởng 1/3 giá trị di sản.

1.4. Phương thức chia:

Những người được hưởng thừa kế thống nhất sẽ tự thỏa thuận việc phân chia di sản. Nếu xảy ra tranh chấp, bất kỳ đồng thừa kế nào trong số 03 người được hưởng di sản cũng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi di sản để chia di sản theo tỷ lệ nêu trên.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Ngọc T về việc hủy bỏ di chúc ngày 02/3/2005 của bà Lê Thị H5.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Lê Ngọc T phải chịu số tiền 59.120.540 (năm mươi chín triệu một trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo Biên lai thu số AG/2010/00813 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà T còn phải nộp 54.120.540 (năm mươi tư triệu một trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi) đồng. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3.2. Bà Lê Ngọc M phải chịu số tiền 59.120.540 đồng (năm mươi chín triệu một trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3.3. Bà Lê Minh H3 phải chịu số tiền 59.120.540 đồng (năm mươi chín triệu một trăm hai mươi ngàn năm trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt không có lý do chính đáng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. H;
- VKSND TP.H;
- Cục Thi hành án Dân sự TP.H;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thế Trọng